

Số: 191/QĐ-UBND

Ứng Hòe, ngày 02 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân xã thuộc lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của công chức Tư pháp – Hộ tịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân xã thuộc lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch, cụ thể:

1. Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính dùng chung được công bố tại Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (có Danh mục kèm theo).

2. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi được công bố tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (có Danh mục kèm theo).

3. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực được công bố tại Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (có Danh mục kèm theo).

4. Bãi bỏ 17 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch được công bố tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao công chức Văn phòng HĐND&UBND xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch công khai Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Điều 1 Quyết định này, rà soát quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử dùng chung của xã.

Điều 3. Công chức Văn phòng HĐND&UBND xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TP, BPKSTTHC.



CHỦ TỊCH

Bùi Khắc Chung

Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHỨNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (Công bố tại Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực bồi thường của Nhà nước, chứng thực, trợ giúp pháp lý, lý lịch tư pháp và hòa giải cơ sở thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương)		
1.	2.000815.000.00.00.H23	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2.	2.000843.000.00.00.H23	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
3.	2.000884.000.00.00.H23	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
4.	2.000992.000.00.00.H23	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
5.	2.000927.000.00.00.H23	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
6.	2.000942.000.00.00.H23	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (Công bố tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương)		Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
1.	2.001263.000.00.00.H23	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
2.	2.001255.000.00.00.H23	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (Công bố tại Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương)		Thông tư số 01/2020/TT-BTP
1.	2.001035.000.00.00.H23	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
2.	2.001019.000.00.00.H23	Chứng thực di chúc	
3.	2.001016.000.00.00.H23	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
4.	2.001406.000.00.00.H23	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
5.	2.001009.000.00.00.H23	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
III	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (Công bố tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương)		





STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1.	2.000635.000.00.00.H23	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương.
2.	1.001193.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh	
3.	1.000894.000.00.00.H23	Đăng ký kết hôn	
4.	1.001022.000.00.00.H23	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
5.	1.000689.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
6.	1.000656.000.00.00.H23	Đăng ký khai tử	
7.	1.003583.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh lưu động	
8.	1.000593.000.00.00.H23	Đăng ký kết hôn lưu động	
9.	1.000419.000.00.00.H23	Đăng ký khai tử lưu động	
10.	1.004837.000.00.00.H23	Đăng ký giám hộ	
11.	1.004845.000.00.00.H23	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
12.	1.004859.000.00.00.H23	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
13.	1.004873.000.00.00.H23	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
14.	1.004884.000.00.00.H23	Đăng ký lại khai sinh	
15.	1.004772.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
16.	1.004746.000.00.00.H23	Đăng ký lại kết hôn	
17.	1.005461.000.00.00.H23	Đăng ký lại khai tử	